

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 22/2019/KDTM-PT

Ngày: 29/03/2019

V/v: Đòi tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

Các thẩm phán:

Bà Ngô Tuyết Băng

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Thư ký phiên tòa: **Bà Đoàn Phương Thảo** - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Tuấn An - Kiểm sát viên.

Ngày 29/03/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 123/2018/TLPT-KDTM ngày 17/12/2018, về việc “Đòi tài sản”. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 18/2018/KDTM-ST ngày 15/8/2018 của Toà án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 46/2019/QĐPT-KDTM ngày 07/03/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2019/QĐ-PT ngày 18/03/2019, giữa:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C

Trụ sở: Tầng 1+2, Tòa nhà L, Khu công nghiệp Q, thị trấn Q, huyện M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Bùi Thanh T** - Chức vụ: Giám đốc công ty

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Hoàng Đức P**, sinh 1993

HKTT: Số 17C, khu phố 1, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ hiện tại: Công ty Luật TNHH M, tầng 4 Tòa nhà H, số 102 TT, phường TL, quận Đ, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại P

Trụ sở: Tầng 2 Tòa nhà HH1 - M, ngõ 102 đường T, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Nguyễn Vĩnh P.** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Trần Trung K.** Sinh 1979

HKTT: Thôn Q, xã T, huyện T, thành phố Hưng Yên

Địa chỉ hiện tại: Tầng 3, số 2 TT, phường P, quận H, thành phố Hà Nội

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 08/4/2009, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C (gọi tắt là Công ty C) có ký kết 01 Hợp đồng kinh tế số 04/HĐKT-Li86 với Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại P (gọi tắt là Công ty P). Nội dung hợp đồng thể hiện việc Công ty C cho Công ty P thuê trạm trộn bê tông thương phẩm 25m³/h phục vụ thi công tại công trình thủy điện TN, xã CH, huyện M, tỉnh Sơn La. Thời hạn cho thuê tạm tính là 03 tháng (từ ngày 15/4/2009 đến ngày 15/7/2009); Giá thuê: 40.000.000đ/tháng trong 03 tháng đầu (chưa bao gồm thuế VAT); tiền tháo dỡ và vận chuyển: 60.000.000đ.

Sau khi ký kết Hợp đồng kinh tế số 04/HĐKT-Li86, hai bên còn tiếp tục ký 04 phụ lục hợp đồng. Cụ thể:

- Ngày 15/07/2009 ký kết Phụ lục hợp đồng số 01/HĐKT-Li86-04 điều chỉnh thời gian thuê từ ngày 15/07/2009 đến ngày 15/10/2009

- Ngày 15/10/2009 ký kết Phụ lục hợp đồng số 02/HĐKT-Li86-04 điều chỉnh thời gian thuê từ ngày 15/10/2009 đến ngày 15/01/2010.

- Ngày 12/01/2010 ký kết Phụ lục hợp đồng số 03/HĐKT-Li86-04 điều chỉnh thời gian thuê từ ngày 15/01/2010 đến ngày 15/04/2010.

- Ngày 15/04/2010 ký kết Phụ lục hợp đồng số 04/HĐKT-Li86-04 gia hạn thời gian thanh toán chậm nhất là hết Quý I/2013 Công ty P phải hoàn thành nghĩa vụ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho Công ty C

Sau khi ký kết Hợp đồng kinh tế, Công ty C đã bàn giao trạm trộn bê tông cùng các trang thiết bị cần thiết theo hợp đồng đã ký kết cho Công ty P. Tuy nhiên, sau khi hết hạn hợp đồng, Công ty P không tiến hành việc tháo dỡ trạm trộn và cũng không có văn bản đề nghị Công ty C tháo dỡ mà vẫn tiếp tục sử dụng trạm trộn bê tông đến ngày 31/12/2010.

Biên bản làm việc ngày 21/06/2011, hai bên xác nhận giá trị thực hiện hợp đồng từ ngày 15/04/2009 đến ngày 14/4/2010:

- Tổng số tiền Công ty P phải trả cho Công ty C là 528.000.000đ + 60.000.000đ giá trị tháo dỡ và vận chuyển trạm trộn: 588.000.000đ
- Tổng số tiền Công ty P đã thanh toán là: 352.000.000đ.
- Số tiền Công ty P còn phải thanh toán là: 236.000.000đ.

Công ty P cam kết thanh toán 100.000.000đ trước ngày 15/7/2011, còn lại 136.000.000đ sẽ trả trước ngày 30/9/2011 nhưng sau đó Công ty P cũng không thanh toán trả thêm đồng nào.

Công ty C nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty P phải thanh toán số tiền bao gồm:

Tiền nợ gốc là 236.000.000đ

Tiền thuê trong thời gian trả chậm trạm trộn (từ ngày 16/4/2010 đến ngày 31/12/2010) là: 44.000.000đ x 8,5 tháng = 374.000.000đ

Tiền lãi phát sinh (từ ngày 01/4/2013 đến hết ngày 30/5/2017) là 237.595.000đ

Tiền lãi kể từ ngày 01/6/2017 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử với lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định (0,75%/tháng) trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty C rút yêu cầu buộc Công ty P phải thanh toán số tiền trả chậm trạm trộn từ ngày 16/4/2010 đến ngày 31/12/2010 là 374.000.000đ và tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán. Công ty C chỉ yêu cầu Công ty P thanh toán số tiền nợ gốc là 236.000.000đ.

Công ty P thừa nhận có ký kết 01 Hợp đồng kinh tế số 04/HĐKT-Li86 ngày 08/4/2009 và 04 phụ lục hợp đồng với Công ty C. Thời hạn thuê, giá thuê trạm trộn và số tiền Công ty P đã thanh toán trả cho Công ty C đúng như Công ty C đã

trình bày. Công ty P có quan điểm cho rằng việc Công ty C khởi kiện đòi tiền thuê tài sản là không đúng vì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng thuê tài sản nên thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết. Công ty P đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án do đã hết thời hiệu khởi kiện.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 18/2018/KDTM-ST ngày 15/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội đã xử và quyết định:

“Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C đối với Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại P

Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại P phải thanh toán trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C số tiền nợ thuê tài sản chưa thanh toán là 236.000.000đ

Chấp nhận sự tự nguyện của Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khoản tiền 374.000.000đ, tiền lãi phát sinh từ ngày 01/4/2013 đến ngày 30/5/2017 là 237.595.000đ và tiền lãi từ ngày 01/6/2017 đến ngày Tòa án đưa ra xét xử với lãi suất 0,75%/tháng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu lãi theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án”

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án nêu trên, ngày 20/8/2018 Công ty P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và cho rằng Nguyên đơn khởi kiện việc tranh chấp hợp đồng thuê tài sản khi đã hết thời hiệu khởi kiện, đề nghị Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong vụ án này. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án do đã hết thời hiệu khởi kiện.

Viện Kiểm sát thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm và đề xuất giải quyết vụ án có nội dung:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, HĐXX đã xem xét giải quyết các nội dung kháng cáo của đương sự. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Không có căn cứ xác định việc khởi kiện đòi tài sản của Nguyên đơn là hết thời hiệu khởi kiện. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn và giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo và biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của Công ty P làm và nộp trong thời hạn luật định nên kháng cáo được chấp nhận.

Về nội dung kháng cáo: Công ty P kháng cáo toàn bộ bản án. HĐXX thấy rằng:

Xét về Hợp đồng kinh tế số 04/HĐKT-Li186 ngày 08/4/2009 và các Phụ lục hợp đồng kèm theo giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C và Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại P được ký kết bởi chủ thể có quyền tham gia ký kết. Nội dung của hợp đồng thể hiện sự tự nguyện của các bên khi tham gia giao kết và đúng với quy định của pháp luật nên các bên có nghĩa vụ phải tuân thủ thực hiện.

Về quan hệ pháp luật: Đơn khởi kiện lập ngày 15/6/2017 của Nguyên đơn khởi kiện có tiêu đề “Đơn khởi kiện đòi tài sản”. Nội dung đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán tiền thuê trạm trộn bê tông còn thiếu theo Biên bản làm việc ngày 21/06/2011 (thực chất là đối chiếu công nợ do hai bên đã ký kết) và số tiền do Bị đơn còn chiếm giữ chưa bàn giao trả trạm trộn mặc dù đã ký kết biên bản chốt nợ và tiền lãi chậm thanh toán nợ gốc. Tổng cộng 610.000.000đ.

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn thực chất là yêu cầu đòi nợ số tiền mà Bị đơn đã xác nhận trong Biên bản làm việc (chốt nợ) ngày 21/06/2011 giữa các bên sau khi đã kết thúc hợp đồng thuê trạm trộn, các bên cũng không hề có tranh chấp về hợp đồng đã thực hiện nên đây không phải là quan hệ tranh chấp hợp đồng thuê tài sản mà là quan hệ đòi tài sản. Vì vậy không áp dụng thời hiệu đối với loại tranh chấp này. Do đó yêu cầu áp dụng về thời hiệu của Bị đơn không được chấp nhận. Việc

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện số tiền nợ gốc của Nguyên đơn trong Biên bản làm việc (chốt nợ) ngày 21/06/2011 giữa hai bên Nguyên đơn và Bị đơn là có căn cứ.

Ngoài ra, tại Biên bản hòa giải Nguyên đơn vẫn giữ nhưng yêu cầu khởi kiện trong Đơn khởi kiện. Tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn chỉ giữ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc tại Biên bản đối chiếu công nợ là 236.000.000đ còn rút các yêu cầu khởi kiện khác. Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm cần phải đình chỉ đối với một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về khoản tiền yêu cầu thanh toán 374.000.000đ, tiền lãi phát sinh từ ngày 01/4/2013 đến ngày 30/5/2017 là 237.595.000đ và tiền lãi từ ngày 01/6/2017 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử với lãi suất 0,75%/tháng mới phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên đối với phần rút yêu cầu của Nguyên đơn. Mặc dù không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nhưng do sửa bản án về cách tuyên nên Bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ những nhận định trên

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 18/2018/KDTM-ST ngày 15/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội về cách tuyên án.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu đòi thanh toán khoản tiền 374.000.000đ, tiền lãi phát sinh từ ngày 01/4/2013 đến ngày 30/5/2017 là 237.595.000đ và tiền lãi từ ngày 01/6/2017 đến ngày Tòa án đưa ra xét xử với lãi suất 0,75%/tháng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C đối với Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại P

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C đối với Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại P

Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại P phải thanh toán trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C số tiền nợ thuê tài sản chưa thanh toán là 236.000.000đ

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc người được thi hành án có đơn xin thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với khoản tiền chưa thanh toán theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí: Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại P phải chịu 11.800.000đ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000đ theo BL số 0007620 ngày 30/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, nay còn phải nộp tiếp 9.800.000đ.

Hoàn trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C 18.700.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo BL số 0006063 ngày 21/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSNDTP Hà Nội
- TAND quận Đống Đa
- Chi cục THA quận Đống Đa
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hạnh